

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2020/DS-ST

Ngày 15/9/2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hạnh
Bà Phạm Thị Tuyết Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk: Bà H'Mi Chan Niê – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 15/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2020/QĐXXST- DS ngày 30 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Trương Quang M

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N

Cùng địa chỉ: Đường P, P. T, Tp. B, Đắk Lắk.

*** Các bị đơn:** Bà Bùi Thị P

Ông Nguyễn Thành T

Ông Nguyễn Tiến H

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Thành T là ông Nguyễn Tiến D.

Cùng địa chỉ nơi ĐKKHKT: Đường C, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

(Bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Tiến D, ông Nguyễn Tiến H có mặt, bà Bùi Thị P vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ông Trương Quang M có cho bà Bùi Thị P, ông Nguyễn Thành T, ông Nguyễn Tiến H vay tiền ba lần với tổng số tiền là 330.000.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu đồng). Cụ thể:

+ Ngày 30/01/2019 bà Bùi Thị P, ông Nguyễn Tiến H ký giấy vay số tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), thời gian vay từ 30/01/2019 đến hạn trả ngày 30/5/2019

+ Ngày 28/03/2019 bà Bùi Thị P, ông Nguyễn Thành T, ông Nguyễn Tiến H ký giấy vay tiền số tiền là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), thời gian vay từ ngày 28/3/2019 đến 28/4/2019 là trả tiền vay trên.

+ Ngày 08/8/2019 bà Bùi Thị P ký giấy vay số tiền là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng), thời hạn vay hai bên không xác định nhưng có thỏa thuận miệng là khi nào ông M cần thì bà P sẽ trả.

Tất cả các giấy vay tiền giữa ông M với bà P, ông T, ông H đều là giấy viết tay.

Do bà P, ông T, ông H không thực hiện trả cho ông M như đã thỏa thuận nên ông M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà P, ông T, ông H trả cho ông M số tiền nợ gốc là 330.000.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật.

2. Bị đơn ông Nguyễn Tiến H trình bày:

Tôi có quan hệ là con trai của bà Bùi Thị P. Trong năm 2019 tôi có kí vào giấy vay tiền lập ngày 30/1/2019 với mục đích xác nhận làm chứng vay số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và kí vào giấy vay tiền lập ngày 28/3/2019 xác nhận làm chứng vay số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) của ông Trương Quang M (cả hai giấy này đều là giấy viết tay).

Mặc dù kí vào giấy xác nhận vào 2 giấy vay tiền với ông Trương Quang M nhưng trên thực tế tôi không phải là người trực tiếp nhận tiền vay từ ông Trương Quang M mà sự việc này xuất phát từ quan hệ vay mượn làm ăn giữa mẹ tôi là bà Bùi Thị P với gia đình ông Trương Quang M. Tại thời điểm ký vào giấy vay tiền mẹ tôi và ông M nói kí vào giấy chỉ để làm chứng cho giao dịch giữa mẹ tôi với ông M nên tôi đã ký vào giấy, còn trên thực tế tôi không nhận tiền.

Ngoài việc ký xác nhận vào hai giấy vay nợ ngày 28/3/2019 và ngày 30/1/2019 thì tôi không kí vào bất kì giấy tờ vay mượn nào khác với ông Trương Quang M.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trương Quang M về việc buộc mẹ tôi là bà Bùi Thị P, anh trai Nguyễn Thành T và tôi là Nguyễn Tiến H phải trả số tiền 330.000.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu đồng) và lãi suất thì tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thành T là ông Nguyễn Tiến D trình bày:

Vào ngày 28/3/2019 tại Đường P (nhà riêng của ông Trương Quang M) ông T có ký giấy tờ vay tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) (thực tế lúc ký vào giấy vay tiền ông T không biết số tiền là bao nhiêu). Ông Trương Quang M và bà Bùi Thị P nói với ông T là chỉ ký làm chứng, ông Nguyễn Thành T không nhận tiền từ ông M. Nếu ông T ghi vào giấy vay tiền là đã nhận đủ số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) thì ông T mới có trách nhiệm hoàn trả lại

số tiền trên cho ông M. Trên thực tế giữa ông M và bà Bùi Thị P thỏa thuận vay bao nhiêu, lãi suất hàng tháng là bao nhiêu phần trăm, ông T và em trai Nguyễn Tiến H hoàn toàn không biết gì. Ngoài việc ký làm chứng 01 bản vay tiền ngày 28/3/2019 trên, ông T không ký vào bất kỳ văn bản nào khác.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trương Quang M về việc buộc bà Bùi Thị P, ông Nguyễn Thành T, ông Nguyễn Tiến H phải trả số tiền 330.000.000 đồng và lãi suất thì ông T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập bà Bùi Thị P nhiều lần nhưng bà P không tham gia tố tụng. Giữa nguyên đơn và các bị đơn không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*** Diễn biến tại phiên tòa:** Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Bùi Thị P, ông Nguyễn Thành T, ông Nguyễn Tiến H phải trả cho ông Trương Quang M số tiền nợ gốc là 330.000.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Tiến H và người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thành T không đồng ý với yêu cầu của phía nguyên đơn vì cho rằng trên thực tế ông T, ông H không vay tiền của ông Trương Quang M mà số tiền này là tiền vay mượn làm ăn giữa bà Bùi Thị P với ông Trương Quang M, ông T, ông H ký vào giấy vay tiền chỉ với mục đích để làm chứng.

*** Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến:**

- *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ và thực hiện đúng quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Quang M. Buộc bà Bùi Thị P, ông Nguyễn Tiến H phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông Trương Quang M. Cụ thể:

+ Buộc bà Bùi Thị P và ông Nguyễn Tiến H phải trả cho ông M số tiền 50.000.000 đồng theo Giấy vay nợ ngày 30/01/2019. Chia theo phần bà Bùi Thị P phải trả 25.000.000 đồng, ông Nguyễn Tiến H phải trả 25.000.000 đồng.

Về lãi suất: ông H, bà P phải chịu lãi suất theo quy định của pháp luật trên số tiền nợ gốc mỗi người phải trả tính từ ngày vi phạm 01/6/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

+ Buộc bà Bùi Thị P, ông Nguyễn Tiến H, ông Nguyễn Thành T phải trả cho ông M số tiền 200.000.000 đồng theo Giấy vay nợ ngày 28/03/2019. Chia theo phần bà Bùi Thị P phải trả 66.667.000 đồng, ông Nguyễn Tiến H phải trả 66.667.000 đồng, ông Nguyễn Thành T phải trả 66.667.000 đồng.

Về lãi suất: bà P, ông T, ông H phải chịu lãi suất theo quy định của pháp luật trên số tiền nợ gốc mỗi người phải trả tính từ ngày vi phạm 29/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

+ Buộc bà Bùi Thị P phải trả cho ông M số tiền 80.000.000 đồng theo Giấy vay nợ ngày 08/8/2019 và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày ông M khởi kiện ngày 10/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

- *Về án phí*: Buộc bà Bùi Thị P, ông Nguyễn Thành T, ông Nguyễn Tiến H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn bà Bùi Thị P vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà P.

[2] Về nội dung:

- *Về nợ gốc*: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ và sự thừa nhận của các đương sự thì trong năm 2019 giữa ông Trương Quang M, ông Nguyễn Thành T, ông Nguyễn Tiến H có xác lập các giấy vay tiền, cụ thể:

+ Ngày 30/01/2019 ông Nguyễn Tiến H ký vào giấy vay số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), thời gian vay từ 30/01/2019 đến ngày 30/5/2019

+ Ngày 28/03/2019 ông Nguyễn Thành T, ông Nguyễn Tiến H ký vào giấy vay số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), thời gian vay từ ngày 28/3/2019 đến 28/4/2019.

Trong hai giấy vay tiền này đồng thời cũng có chữ ký, chữ viết ghi tên Bùi Thị P (bà P có quan hệ là mẹ đẻ của ông T, ông H). Trong quá trình làm việc ông T và ông H đều có lời khai cho rằng việc ký vào các giấy vay tiền này chỉ nhằm mục đích làm chứng cho việc vay mượn làm ăn giữa bà Bùi Thị P với ông Trương Quang M còn trên thực tế ông T và ông H không trực tiếp nhận tiền vay từ ông M. Tuy nhiên lời khai này của ông T và ông H không được phía nguyên đơn thừa nhận và ông T, ông H đều không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Tại thời điểm ký giấy vay tiền, ông T, ông H đều là những người đủ tuổi trưởng thành, có đủ năng lực hành vi dân sự và nhận thức khi ký vào Giấy vay tiền.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà Bùi Thị P không tham gia tố tụng, qua thu thập tài liệu chứng cứ thì vào ngày 05/06/2020 bà Bùi Thị P cùng các thành viên trong gia đình đến Văn phòng Công chứng T và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để chuyển nhượng tài sản của gia đình cho người khác. Việc bà Bùi Thị P không hợp tác, cố tình trốn tránh không đến Tòa án để làm việc coi như từ bỏ quyền được tự bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Xét yêu cầu của phía nguyên đơn là buộc bà Bùi Thị P, ông Nguyễn Thành T, ông Nguyễn Tiến H phải trả số tiền 330.000.000 đồng và lãi suất cho cả 03 giấy vay nợ. Hội đồng xét xử thấy rằng: tại Giấy vay nợ ngày 30/01/2019 chỉ có chữ ký của ông Nguyễn Tiến H và chữ ký, chữ viết ghi tên Bùi Thị P; tại Giấy

vay nợ ngày 28/03/2019 có chữ ký của ông Nguyễn Thành T, ông Nguyễn Tiến H và chữ ký, chữ viết ghi tên Bùi Thị P. Riêng Giấy vay nợ ngày 08/8/2019 chỉ có chữ ký của bà Bùi Thị P. Vì vậy cần xác định nghĩa vụ của từng người trong việc trả nợ theo yêu cầu của ông Trương Quang M, cụ thể:

+ Đối với Giấy vay nợ ngày 30/01/2019 vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 19/8/2020 đến ngày 30/5/2019. Do bà Bùi Thị P và ông Nguyễn Tiến H cùng ký xác nhận nợ nên buộc bà P, ông H cùng có nghĩa vụ trả khoản nợ này, chia theo phần bà Bùi Thị P phải trả 25.000.000 đồng và ông Nguyễn Tiến H phải trả 25.000.000 đồng.

+ Đối với Giấy vay nợ ngày 28/03/2019 vay số tiền 200.000.000 đồng do bà Bùi Thị P, ông Nguyễn Tiến H, ông Nguyễn Thành T cùng ký xác nhận nợ nên buộc bà P, ông H, ông T cùng có nghĩa vụ trả khoản nợ này, chia theo phần bà Bùi Thị P phải trả 66.667.000 đồng, ông Nguyễn Tiến H phải trả 66.667.000 đồng, ông Nguyễn Thành T phải trả 66.667.000 đồng.

+ Đối với Giấy vay nợ ngày 08/8/2019 số tiền 80.000.000 đồng, do chỉ có chữ ký của bà Bùi Thị P nên cần buộc một mình bà P phải có nghĩa vụ trả khoản nợ này.

- **Về lãi suất:** Trong các giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp không thể hiện về việc giữa các bên có thỏa thuận về lãi suất. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 357, Điều 468 BLDS để xác định mức lãi suất chậm trả là 10%/năm. Theo đó bà Bùi Thị P, ông Nguyễn Tiến H, ông Nguyễn Thành T phải có nghĩa vụ trả lãi suất cho ông Trương Quang M, cụ thể:

+ Đối với Giấy vay nợ ngày 30/01/2019 vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay theo thỏa thuận từ ngày 19/8/2020 đến ngày 30/5/2019. Do đó cần buộc Bùi Thị P và ông Nguyễn Tiến H phải trả lãi từ ngày 01/6/2019 đến ngày 15/9/2020 với số tiền: $[(50.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm) \times 464 \text{ ngày}] = 6.418.666 \text{ đồng}/02 \text{ người} = 3.209.333 \text{ đồng}/01 \text{ người}$.

+ Đối với Giấy vay nợ ngày 28/3/2019 số tiền 200.000.000 đồng thời hạn vay theo thỏa thuận từ ngày 28/3/2019 đến hết ngày 28/4/2019. Do đó cần buộc bà Bùi Thị P và ông Nguyễn Tiến H, ông Nguyễn Thành T phải trả lãi từ ngày 29/4/2019 đến ngày 15/9/2020 với số tiền: $[(200.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm) \times 496 \text{ ngày}] = 27.445.168 \text{ đồng}/03 \text{ người} = 9.148.398 \text{ đồng}/01 \text{ người}$.

+ Đối với Giấy vay nợ ngày 08/8/2019, do các bên không xác định thời hạn trả nợ nên cần buộc bà Bùi Thị P phải chịu lãi suất tính từ ngày ông Trương Quang M khởi kiện ngày 10/01/2020 đến ngày 15/9/2020 với số tiền: $[(80.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm) \times 245 \text{ ngày}] = 5.422.585 \text{ đồng}$.

Từ những nhận định trên cần buộc bà Bùi Thị P có nghĩa vụ trả cho ông Trương Quang M số tiền nợ gốc là $(25.000.000 + 66.667.000 + 80.000.000) = 171.667.000 \text{ đồng}$ và số tiền nợ lãi là $(3.209.333 + 9.148.389 + 5.422.585) = 17.780.307 \text{ đồng}$. Tổng cả hai khoản là 189.447.307 đồng (*một trăm tám chín triệu bốn trăm bốn mươi bảy ngàn ba trăm lẻ bảy đồng*)

Buộc ông Nguyễn Tiến H có nghĩa vụ trả cho ông Trương Quang M số tiền nợ gốc là $(25.000.000 + 66.667.000) = 91.667.000 \text{ đồng}$ và số tiền nợ lãi là $(3.209.333 + 9.148.389) = 12.357.722 \text{ đồng}$. Tổng cả hai khoản là 104.024.722

đồng (*Một trăm lẻ bốn triệu không trăm hai bốn ngàn bảy trăm hai mươi hai đồng*)

Buộc ông Nguyễn Thành T có nghĩa vụ trả cho ông Trương Quang M số tiền nợ gốc là 66.667.000 đồng và số tiền nợ lãi là 9.148.389 đồng. Tổng cả hai khoản là 75.815.389 đồng (*Bảy mươi lăm triệu tám trăm mười lăm ngàn ba trăm tám chín đồng*)

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Bùi Thị P và ông Nguyễn Tiến H, ông Nguyễn Thành T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể như sau:

Bà Bùi Thị P phải chịu án phí ở mức: $(189.447.307 \text{ đồng} \times 5\%) = 9.472.000 \text{ đồng}$ (làm tròn)

Ông Nguyễn Tiến H phải chịu án phí ở mức: $(104.024.722 \text{ đồng} \times 5\%) = 5.201.000 \text{ đồng}$ (làm tròn)

Ông Nguyễn Thành T phải chịu án phí ở mức: $(75.815.389 \text{ đồng} \times 5\%) = 3.790.000 \text{ đồng}$ (làm tròn).

Hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Trương Quang M số tiền 8.250.000 đồng tạm ứng án phí do Lê Thanh P nộp thay theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0005734 ngày 21/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự.

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Quang M

Buộc bà Bùi Thị P có nghĩa vụ trả cho ông Trương Quang M số tiền nợ gốc là 171.667.000 đồng và số tiền nợ lãi là 17.780.307 đồng. Tổng cả hai khoản là 189.447.307 đồng (*một trăm tám chín triệu bốn trăm bốn mươi bảy ngàn ba trăm lẻ bảy đồng*)

Buộc ông Nguyễn Tiến H có nghĩa vụ trả cho ông Trương Quang M số tiền nợ gốc là 91.667.000 đồng và số tiền nợ lãi là 12.357.722 đồng. Tổng cả hai khoản là 104.024.722 đồng (*Một trăm lẻ bốn triệu không trăm hai bốn ngàn bảy trăm hai mươi hai đồng*)

Buộc ông Nguyễn Thành T có nghĩa vụ trả cho ông Trương Quang M số tiền nợ gốc là 66.667.000 đồng và số tiền nợ lãi là 9.148.389 đồng. Tổng cả hai khoản là 75.815.389 đồng (*Bảy mươi lăm triệu tám trăm mười lăm ngàn ba trăm tám chín đồng*)

Áp dụng Điều 357 BLDS để tính lãi suất chậm trả phát sinh trong giai đoạn thi hành án.

* **Về án phí:** Bà Bùi Thị P phải chịu 9.472.000 đồng án phí DSST; Ông Nguyễn Tiến H phải chịu 5.201.000 đồng án phí DSST; Ông Nguyễn Thành T phải chịu 3.790.000 đồng án phí DSST.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Trương Quang M số tiền 8.250.000 đồng tạm ứng án phí do Lê Thanh P nộp thay theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0005734 ngày 21/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.B;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Thu Trang